

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Số: 1647/BV-DUOC

Về việc: Báo giá vật tư y tế,
hóa chất xét nghiệm

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Than – Khoáng sản đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác chuyên môn năm 2025.

Bệnh viện Than – Khoáng sản trân trọng kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp quan tâm tham gia báo giá với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Than – Khoáng sản

Địa chỉ: Ngõ 1, Phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Đ/c Nguyễn Minh Thích – Nhân viên Khoa Dược (SET: 0888748636)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Quý Đơn vị vui lòng ghi đầy đủ các thông tin theo danh mục yêu cầu (Phụ lục 03 – Phụ lục 04- Mẫu báo giá) và gửi Báo giá (bản gốc) về địa chỉ: Khoa Dược Bệnh viện Than – Khoáng sản (địa chỉ: Ngõ 1, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Hà Nội),

- Quý đơn vị có thể gửi trước bản scan báo giá qua email: khoaduocbvt123@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Kể từ ngày thông báo đến trước 10h 00 phút ngày 14 tháng 11 năm 2025. Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 120 ngày, kể từ ngày báo giá

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa: Chi tiết danh mục hóa chất tại Phụ lục 1 đính kèm, chi tiết danh mục vật tư tại Phụ lục 2 đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp:

Kho Dược, Bệnh viện Than – Khoáng sản, địa chỉ: Ngõ 1, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội.

Kho Dược, Trung tâm y tế Than khu vực Mạo Khê, địa chỉ: Khu Vĩnh Lập, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 03 ngày kể từ ngày đặt hàng

Rất mong nhận được sự quan tâm, tham gia của Quý công ty, đơn vị.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, Dược.



PHỤ LỤC 01. DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM

(Kèm theo Thư mời báo giá số 1647/BV-DUOC ngày 06/11/2025)

STT	Tên hàng hoá	Thông số kĩ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	320
2	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	4
3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	4
4	Thuốc thử xét nghiệm α -Amylase	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	1,152
5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Amylase tuyến tụy	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	72
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	30,640
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	48,660
8	Thuốc thử chẩn lượng Uric acid	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	19,100
9	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	41,900

STT	Tên hàng hoá	Thông số kĩ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglyceride	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	41,900
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	7,800
12	Thuốc thử xét nghiệm LDL Cholesterol	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	5,400
13	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Microalbumin	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	80
14	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Microalbumin	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	2
15	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Microalbumin	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	12
16	Thuốc thử xét nghiệm GOT(AST)	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	43,860
17	Thuốc thử xét nghiệm GPT(ALT)	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	43,860
18	Thuốc thử xét nghiệm Gamma-GT	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	25,000
19	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin total	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	1,788

STT	Tên hàng hoá	Thông số kĩ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
20	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin direct	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	1,560
21	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Calcium	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	900
22	Thuốc thử xét nghiệm định lượng C - reactive protein (CRP)	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	870
23	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng C - Reactive Protein (CRP) mức cao	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	4
24	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng C - Reactive Protein (CRP) mức thấp	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	4
25	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng C - reactive protein (CRP)	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	20
26	Thuốc thử xét nghiệm Total Protein	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	2,216
27	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	4,400
28	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatine kinase – MB (CK-MB)	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	1,372
29	Thuốc thử xét nghiệm định lượng creatine kinase trong huyết thanh.	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	600

STT	Tên hàng hoá	Thông số kĩ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
30	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	31,480
31	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	2,456
32	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng xét nghiệm sinh hóa mức 1	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	700
33	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng xét nghiệm sinh hóa mức 2	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	450
34	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng xét nghiệm sinh hoá	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	660
35	Hoá chất khử khuẩn rửa buồng phản ứng cho máy sinh hoá	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	65,000
36	Hoá chất rửa dùng cho máy phân tích sinh hoá	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	192,000
37	Chất hiệu chuẩn chất lượng xét nghiệm định lượng HbA1c	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	29
38	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HbA1c	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	14
39	Test HBa1c	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G20 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Test	5,000

STT	Tên hàng hoá	Thông số kĩ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
40	Cuvette phản ứng dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy M600, M400, M250, CS - T300 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bộ	6
41	Hoá chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Auto Star Diff 5 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	2,500,000
42	Hoá chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy MEK 6420K, MEK6510K Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	1,960,000
43	Thuốc thử ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy MEK 6420K, MEK6510K Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	35,000
44	Dung dịch rửa thường dùng cho máy phân tích huyết học	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy MEK 6420K, MEK6510K Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	215,000
45	Dung dịch rửa đậm đặc dùng cho máy phân tích huyết học	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy MEK 6420K, MEK6510K Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	140,000
46	Vật liệu kiểm soát chất lượng dùng cho máy phân tích huyết học Laser	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Auto Star Diff 5 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	54
47	Vật liệu kiểm soát chất lượng dùng cho máy phân tích huyết học 3 thành phần	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy MEK 6420K, MEK6510K Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	72
48	Hoá chất dùng cho máy phân tích huyết học	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy XP100 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Thùng	600,000

STT	Tên hàng hoá	Thông số kĩ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
49	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 2 thành phần bạch cầu EO, BASO trong máu	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Auto Star Diff 5 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	27,500
50	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 3 thành phần bạch cầu MON, NEU, LYM trong máu	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Auto Star Diff 5 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	55,000
51	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo Hemoglobin trong máu	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Auto Star Diff 5 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	27,500
52	Thuốc thử ly giải hồng cầu	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy XP100 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Chai	15,000
53	Hoá chất rửa dùng cho máy xét nghiệm	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy XP100, Auto Star Diff 5 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Lọ	5,600
54	Thuốc thử xét nghiệm định lượng APTT	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Auto S Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	750
55	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PT	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Auto S Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	750
56	Thuốc thử xét nghiệm định lượng fibrinogen	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Auto S Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	1,840
57	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TT	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Auto S Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	750
58	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng PT, APTT, TT, FIB	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Auto S Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	400

STT	Tên hàng hoá	Thông số kĩ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
59	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng PT, APTT, TT, FIB mức cao	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Auto S Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	400
60	Hoá chất rửa dùng cho máy xét nghiệm	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Auto S Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	2,000
61	Hoá chất dùng cho máy phân tích đông máu	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Auto S Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	10,000
62	Thuốc thử xét nghiệm định lượng D-Dimer	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Auto S Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Test	1,200
63	Thuốc thử xét nghiệm định lượng đa thông số điện giải (K, Na, Cl, Ca, pH)	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Electalyte 500, Erba Lyte Ca/Erba Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	31,000
64	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng (Na, K, Cl, Ca, pH)	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Electalyte 500, Erba Lyte Ca/Erba Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	300
65	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích điện giải	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Electalyte 500, Erba Lyte Ca/Erba Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	400
66	Điện cực xét nghiệm định lượng K ⁺	Điện cực K electrode Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Electalyte 500, Erba Lyte Ca/Erba Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Chiếc	3
67	Điện cực xét nghiệm định lượng Na ⁺	Điện cực Na electrode Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Electalyte 500, Erba Lyte Ca/Erba Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Chiếc	3
68	Điện cực xét nghiệm định lượng Cl ⁻	Điện cực Cl electrode Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Electalyte 500, Erba Lyte Ca/Erba Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Chiếc	3

STT	Tên hàng hoá	Thông số kĩ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
69	Điện cực xét nghiệm định lượng Ca^{+}	Điện cực Ca electrode Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Electalyte 500, Erba Lyte Ca/Erba Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Chiếc	3
70	Điện cực xét nghiệm định lượng pH	Điện cực pH electrode Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Electalyte 500, Erba Lyte Ca/Erba Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Chiếc	3
71	Điện cực xét nghiệm định lượng quy chiếu	Điện cực Ref electrode Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Phù hợp với máy máy Electalyte 500, Erba Lyte Ca/Erba Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Chiếc	3
72	Hoá chất dùng cho máy phân tích điện giải	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7. Phù hợp với máy máy Electalyte 500, Erba Lyte Ca/Erba Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	300
73	Dung dịch điện cực K dùng cho máy phân tích điện giải	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7. Phù hợp với máy máy Electalyte 500, Erba Lyte Ca/Erba Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	300
74	Dung dịch điện cực Ca dùng cho máy phân tích điện giải	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7. Phù hợp với máy máy Electalyte 500, Erba Lyte Ca/Erba Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	300
75	Dung dịch điện cực Ref dùng cho máy phân tích điện giải	Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7. Phù hợp với máy máy Electalyte 500, Erba Lyte Ca/Erba Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	MI	300
76	Màng điện cực cho máy điện giải	Màng điện cực cho máy điện giải Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7. Phù hợp với máy máy Electalyte 500, Erba Lyte Ca/Erba Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	40

PHỤ LỤC 02. DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ

(Kèm theo Thư mời báo giá số 1647/BV-DUOC ngày 06/11/2025)

STT	Tên danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng
1	HBsAg Test nhanh	Test	4,400
2	HIV 1/2 Test nhanh	Test	1,700
3	Test HIV 1/2 Determin	Test	200
4	Test thử Viêm gan A	Test	1,800
5	Test thử Viêm gan E	Test	1,800
6	Kháng thể kháng lao	Test	1,700
7	Test HCV	Test	1,500
8	Hoá chất phát hiện nhanh vi khuẩn H.Pylori trên mẫu sinh thiết dạ dày	Ống	1,300
9	Test H.Pylori kháng thể	Test	300
10	Nhóm máu	Bộ	40
11	Test Sốt xuất huyết NS1	Test	710
12	Test covid	Test	200
13	Test kháng nguyên Dengue và kháng thể IgM, IgG kháng Dengue.	Test	300
14	Test thử nhanh virus cúm A/B	Test	500
15	Test xét nghiệm ma túy 4 chỉ số	Test	5,000
16	Test xét nghiệm ma túy 5 chỉ số	Test	5,000
17	Test thử đường huyết	Test	6,000
18	Cồn sát khuẩn 70 độ	Chai	400
19	Cồn sát khuẩn 90 độ	Chai	340
20	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Chai	40
21	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ nhanh	can	180
22	Dung dịch enzyme làm sạch dụng cụ	Chai	10

STT	Tên danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng
23	Gel siêu âm	Can	90
24	Mỡ K.Y	Tuýp	130
25	Dung dịch làm sạch và khử khuẩn bước đầu dụng cụ y tế	Can	245
26	Cồn sát khuẩn tay nhanh	Chai	190
27	Dung dịch vệ sinh tay phẫu thuật	Chai	68
28	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Can	60
29	Nước oxy già 3%	Lọ	290
30	Steranios 2%	Can	5
31	Dung dịch rửa Natriclorid	Chai	300
32	Ống thổi chức năng hô hấp bằng giấy	Cái	7,000
33	Filter lọc khuẩn cho đường thở	Cái	1,000
34	Filter lọc khuẩn cho đường thở	Cái	3,000
35	Giấy in nhiệt to 110mm	Cuộn	150
36	Giấy in nhiệt 5cm	Cuộn	150
37	Giấy điện tim 6 cần	Tập	100
38	Giấy điện tim (6 cần)	Thếp	3,500
39	Giấy in nhiệt 5,8cm	Cuộn	450
40	Giấy siêu âm	Cuộn	800
41	Phim khô y tế cỡ 20x25 cm.	Tờ	7,500
42	Phim X Quang 35X43cm.	Tờ	3,000
43	Phim khô y tế cỡ 25x30 cm	Tờ	28,000
44	Phim khô 35x43 cm.	Tờ	1,000
45	Bơm cho ăn 50ml	Cái	100

STT	Tên danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng
46	Bơm tiêm nhựa 10ml	Cái	46,100
47	Bơm tiêm nhựa 1ml	Cái	4,600
48	Bơm tiêm nhựa 20ml	Cái	8,600
49	Bơm tiêm nhựa 50ml	Cái	2,050
50	Bơm tiêm nhựa 5ml	Cái	162,000
51	Bơm tiêm insulin	cái	2,000
52	Kim chọc dò tủy sống G25	Cái	50
53	Kim khâu da các loại	Cái	50
54	Kim châm cứu các số	Cái	179,000
55	Kim lấy thuốc các số	cái	90,500
56	Kim luồn 22G	Cái	7,500
57	Kim luồn 24G	Cái	1,500
58	Kim cánh bướm các số	cái	10,000
59	Mask khí dung có bóng	Cái	80
60	Băng keo chỉ thị nhiệt	Cuộn	42
61	Khẩu trang y tế (4 lớp)	cái	69,300
62	Mỏ vệt nhựa	Cái	14,000
63	Mũi phẫu thuật nữ	Cái	10,400
64	Nước cất 2 lần	Lít	1,000
65	Băng bột bó 15cm x 2.7m	cuộn	320
66	Băng bột bó 10cm x 2.7m	cuộn	420
67	Băng cuộn 10cm x5m	Cuộn	3,360
68	Băng cuộn 5cm x5m	Cuộn	360

STT	Tên danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng
69	Băng dính 5*0,05m	Cuộn	1,534
70	Băng dính cá nhân	Miếng	62,000
71	Dây garo có khóa	cái	100
72	Vôi Soda	Can	11
73	Gạc hút	Mét	10,000
74	Săng mỗ 60cm x 80cm	Cái	3,100
75	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 6 lớp	Cái	800
76	Gạc cầu f30x1 lớp	cái	1,200
77	Gạc phẫu thuật cỡ 10cm x 10cm x12 lớp	cái	1,400
78	Gạc phẫu thuật chưa tiệt trùng kt 6x10x12 lớp	cái	40,000
79	Băng keo chỉ thị tiệt trùng EO	Cuộn	4
80	Bông không thấm nước	Kg	15
81	Bông thấm	Kg	190
82	Bông cắt sẵn	Gói	590
83	Băng thun tự dính cỡ lớn 7,5cm x 4,5m	cuộn	60
84	Tấm trải nylon 60x100cm	cái	120
85	Canuyn Mayo đặt nội khí quản các số	cái	80
86	Dây nối bơm tiêm điện	Cái	1,300
87	Dây truyền dịch liền kim (Dịch)	Bộ	1,750
88	Dây thở oxy các số	cái	5,660
89	Bộ dây truyền dịch (kim thường các số)	Bộ	16,500
90	Khóa ba chạc	Cái	2,100
91	Đề lưới gỗ	Cái	130,000

STT	Tên danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng
92	Găng tay khám cỡ S, M	Đôi	110,000
93	Găng phẫu thuật tiết trùng các số	đôi	10,200
94	Mặt nạ thở	Cái	70
95	Túi đựng nước tiểu 2 lít	Cái	1,400
96	Chỉ Phẫu thuật tiêu tổng hợp số 1.0	Sợi	24
97	Chỉ Phẫu thuật tiêu tổng hợp số 2.0	Sợi	312
98	Chỉ Phẫu thuật tiêu tổng hợp số 3.0	Sợi	336
99	Chỉ Phẫu thuật tiêu tổng hợp số 4.0	Sợi	240
100	Chỉ Vicryl số 5.0	Sợi	120
101	Chỉ Phẫu thuật không tiêu (Nylon) số 2	Sợi	360
102	Chỉ Phẫu thuật không tiêu (Nylon) số 3	Sợi	780
103	Chỉ Phẫu thuật không tiêu (Nylon) số 4	Sợi	780
104	Chỉ Phẫu thuật không tiêu (Nylon) số 5	Sợi	540
105	Hộp hủy kim	Cái	250
106	Kim lấy máu chân không	Cái	2,000
107	Ống nghiệm EDTA 5ml cao su	Cái	81,000
108	Ống nghiệm nhựa có nắp	Cái	20,500
109	Đầu côn xanh	Cái	11,000
110	Đầu côn vàng	Cái	21,000
111	Ống nghiệm EDTA 5ml	ống	91,200
112	Ống nghiệm Heparin	ống	85,200
113	Ống nghiệm nhựa không nắp	Cái	61,200
114	Ống nghiệm nhựa	Cái	50,000

STT	Tên danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng
115	Lưỡi dao mổ dùng trong phẫu thuật	Cái	7,400
116	Lam kính	Hộp	160
117	Lamen	Hộp	10
118	Tuýp lấy máu xét nghiệm sinh hóa (tuýp Chimigly)	Ống	110,000
119	Cốc đựng bệnh phẩm	Cái	1,500
120	Nắp đậy kim luồn Heparin	Cái	3,000
121	Nhiệt kế thủy ngân	Cái	70
122	Ống hút nước bọt túi 100 cái	Túi	15
123	Ống hút thai các số	Cái	150
124	Kẹp rốn sơ sinh	Cái	50
125	Lam trích máu	Cái	2,700
126	Quả bóp Alpka	Quả	10
127	Que thử nước tiểu	Hộp	200
128	Cartridge EG7+ (khí máu)	Thẻ	2,500
129	Que thử xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	Hộp	1,130
130	Que thử dùng cho máy đo đường huyết	Test	6,000
131	Kim lấy máu đo đường huyết	Cái	11,300
132	Ống phân tích máu lắng	Ống	6,200
133	Bóng đèn máy sinh hóa	Chiếc	16
134	Cuvette phản ứng dùng cho máy xét nghiệm	Bộ	11
135	Cóng đựng mẫu bệnh phẩm	Cái	13,000
136	Dây bơm dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Chiếc	14
137	Ống nối dây máy thở không gấp góc	Cái	800

STT	Tên danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng
138	Ống nội phế quản bên trái các số	Cái	250
139	Ống nối nội khí quản	Cái	50
140	Mask gây mê	cái	30
141	Ống thông đường tiêu Nelaton	Cái	20
142	Lọc khuẩn có cổng lấy mẫu CO2	Cái	800
143	Thông dạ dày	Cái	80
144	Điện cực tim	Miếng	5,300
145	Băng dính dùng để cố định các loại Catherter	Cuộn	480
146	Dây hút nhót, loại không kiểm soát	cái	250
147	Thông Foley 2 nhánh	Cái	1,330
148	Ống đặt nội khí quản các số	Cái	100
149	Xông Foley 3 nhánh số	Cái	30
150	Điện cực điện tim trước ngực	Bộ	1
151	Điện cực kẹp chi máy điện tim	Bộ	1
152	Huyết áp điện tử	cái	12
153	Huyết áp cơ	cái	12
154	Vòng bít máy đo huyết áp	cái	32
155	Áo phẫu thuật	bộ	750
156	Phổi giả	Cái	10
157	Đèn đặt nội khí quản	Bộ	10
158	Dầu bôi trơn đánh bóng dụng cụ y tế	Chai	1
159	Túi đóng gói dụng cụ y tế, đồ phẫu thuật	Cuộn	2
160	cáp điện tim 6 cần	Bộ	6

STT	Tên danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng
161	Kim tiêm cầm máu	Cái	20
162	Kẹp cầm máu dùng 1 lần, độ mở 15mm (Hemoclip 15mm)	Cái	100
163	Kẹp cầm máu dùng 1 lần, độ mở 12mm (Hemoclip 12mm)	Cái	100
164	Kim sinh thiết dạ dày	Cái	20
165	Kim sinh thiết đại tràng	Cái	20
166	Thông lọng 15mm (cắt lạnh)	Cái	100
167	Thông lọng 25mm (cắt nóng)	Cái	100

PHỤ LỤC 03. MẪU BÁO GIÁ HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM

(Kèm theo Thư mời báo giá số 1647/BV-DUOC ngày 06/11/2025)

Công ty.....
Địa chỉ
Điện thoại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Than - Khoáng sản

Trên cơ sở yêu cầu chào giá của Bệnh viện Than - Khoáng sản, Chúng tôi Công ty, có địa chỉ tạibáo giá cho các hóa chất xét nghiệm như sau:

STT	STT theo thư mời báo giá	Danh mục hóa chất xét nghiệm	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)

Báo giá này có hiệu lực trong vòng 150 ngày kể từ ngày báo giá.

Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng kí hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày...tháng...năm 2025
Đại diện hợp pháp của Hãng sản xuất, nhà cung cấp
(kí tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 04. MẪU BÁO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ

(Kèm theo Thư mời báo giá số 1647/BV-DUOC ngày 06/11/2025)

Công ty.....

Địa chỉ

Điện thoại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Than - Khoáng sản

Trên cơ sở yêu cầu chào giá của Bệnh viện Than - Khoáng sản, Chúng tôi Công ty, có địa chỉ tạibáo giá cho các vật tư y tế như sau:

STT	STT theo thư mời báo giá	Danh mục vật tư y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Năm sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)

Báo giá này có hiệu lực trong vòng 150 ngày kể từ ngày báo giá.
Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng kí hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày...tháng...năm 2025

Đại diện hợp pháp của Hãng sản xuất, nhà cung cấp
(*Kí tên, đóng dấu*)

